

Trong thời gian điều tra, các cơ sở một mặt phải bảo đảm làm tốt công tác điều tra, mặt khác phải bảo đảm hoàn thành tốt mọi công tác thường xuyên của đơn vị.

IX. TỔNG KẾT CUỘC ĐIỀU TRA

A. Chế độ báo cáo:

1. Báo cáo số liệu theo các biểu ghi trong phương án:

a) Đối với các cơ sở trực thuộc trung ương:

Gửi 5 bản lên trên sau thời điểm điều tra 10 ngày:

- Cho Ban chỉ đạo Bộ một bản;
- Cho Ban chỉ đạo trung ương bốn bản.

Chú ý: Riêng đối với hai biểu I-B/ĐTTB và II-B/ĐTTB sẽ gửi thêm cho Ban chỉ đạo điều tra khu, thành, tỉnh một bản.

b) Đối với các cơ sở địa phương: gửi ba bản lên trên sau thời điểm điều tra 10 ngày:

- Cho Ban chỉ đạo tỉnh, thành, khu 2 bản,
- Cho ngành chủ quản 1 bản.

c) Đối với các Bộ, khu, thành, tỉnh: gửi báo cáo tổng hợp số liệu và báo cáo tổng kết lên Ban chỉ đạo trung ương sau thời điểm điều tra 25 ngày (4 bản).

2. Báo cáo phân tích bằng lời văn:

Tình hình chấp hành điều tra thiết bị tại đơn vị mình, nhận xét và các kiến nghị.

B. Chế độ kiểm tra:

Để bảo đảm kết quả điều tra được tốt, các cấp cần tổ chức kiểm tra tình hình chuẩn bị và tiến hành tại các cơ sở để kịp thời hướng dẫn bổ khuyết cho cơ sở điều tra theo đúng phương án của Nhà nước.

Sau khi cơ sở báo cáo tổng hợp, các cấp cần cử cán bộ đến những đơn vị trọng điểm và các đơn vị cần thiết khác để kiểm tra đánh giá kết quả điều tra.

Bản phương án này quy định những điểm chính. Tổng cục Thống kê sẽ căn cứ vào phương án lập ra các biểu mẫu và mục lục thiết bị điều tra⁽¹⁾, quy định các phương pháp tính toán, giải thích cách thức ghi biểu, thời gian báo cáo và phổ biến kế hoạch điều tra cho các ngành, các cấp thi hành.

Hà nội, ngày 5 tháng 10 năm 1961

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

(1) Các biểu mẫu và bảng mục lục thiết bị điều tra không đăng trong Công báo.

CÁC BỘ

BỘ NÔNG NGHIỆP

QUYẾT ĐỊNH số 30-NN/QĐ ngày 26-9-1961 về việc tách Vụ phân, giống, bảo vệ thực vật thành hai Cục.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP

Căn cứ quyết định số 22-NN/QĐ ngày 22-12-1960 quy định tạm thời tổ chức các cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp;

Căn cứ nghị quyết của Thường vụ Hội đồng Chính phủ ngày 17 và 18-5-1961 giao cho Bộ Nông nghiệp, nhiệm vụ tổ chức, thu mua, quản lý, phân phối giống;

Trong khi chờ đợi nghị định chính thức của Hội đồng Chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH.

Điều 1. Nay tách Vụ Phân, giống, Bảo vệ thực vật hành hai đơn vị sau đây:

- Cục Bảo vệ và kiểm dịch thực vật,
- Cục Giống và phân bón.

Điều 2. Nhiệm vụ và tổ chức Cục Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Cục Bảo vệ và kiểm dịch thực vật có nhiệm vụ giúp Bộ trong việc chỉ đạo công tác bảo vệ mùa màng, cây trồng chống sự phá hại của sâu, bệnh, chuột. Cụ thể:

— Nghiên cứu xây dựng quy hoạch phòng trừ sâu bệnh và các chính sách, thể lệ, luật lệ có liên quan đến việc bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

— Chỉ đạo thực hiện công tác kiểm dịch thực vật đối nội và đối ngoại.

Tổ chức Cục Bảo vệ và kiểm dịch thực vật gồm có:

- Phòng phòng trừ sâu bệnh,
- Phòng dự tính dự báo sâu bệnh,
- Phòng kiểm dịch thực vật.

Điều 3. Nhiệm vụ và tổ chức Cục Giống và phân bón:

Cục Giống và phân bón có nhiệm vụ giúp Bộ trong việc chỉ đạo công tác cải tạo các loại giống cây trồng, cung cấp đủ giống tốt cho việc phát triển sản xuất; công tác làm phân bón và sử dụng phân nhằm nâng cao năng suất các loại cây trồng và cải tạo đất. Cụ thể:

— Nghiên cứu xây dựng và chỉ đạo thực hiện các biện pháp kỹ thuật sản xuất, bình tuyển, dự trữ, bảo quản các loại giống cây trồng trong các hợp tác xã nông nghiệp.

— Chỉ đạo công tác thu mua, dự trữ, bảo quản, phân phối và sản xuất các loại giống cây trồng trong các trại nhận giống và kho giống của Nhà nước.

— Nghiên cứu xây dựng và chỉ đạo thực hiện các biện pháp kỹ thuật về làm phân, sử dụng các loại phân và chất bón cho thích hợp với từng loại cây trồng, từng loại đất.

Tổ chức Cục Giống và phân bón gồm có:

- Phòng kỹ thuật giống
- Phòng quản lý giống
- Phòng phân bón.

Điều 4. Các ông Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Cục trưởng Cục Giống và phân bón chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 1961

K.T. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp

Thủ trưởng

PHAN VĂN CHIÊU

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

CHỈ THỊ số 247-TD/NT ngày 23-9-1961 về việc cho vay lương ăn sản xuất và khai hoang.

Trước đây do hậu quả của vụ chiêm năm 1960 bị thất bát nên tình trạng thiếu đói xảy ra ở nhiều nơi, đã ảnh hưởng nhiều tới việc quản lý lao động, đẩy mạnh sản xuất của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Trước tình hình đó Ngân hàng đã ban hành biện pháp cho vay lương ăn sản xuất, biện pháp này thời gian qua đã góp phần quan trọng giúp các hợp tác xã khắc phục được những khó khăn trong việc sử dụng lao động và đẩy mạnh sản xuất, đảm bảo cho vụ sản xuất 60-61 và vụ hạ thu 1961 đạt thắng lợi. Kết quả đó đã chứng minh chủ trương cho vay lương ăn sản xuất kết hợp chống đói trong thời gian vừa qua là cần thiết và hợp thời.

Nhưng đến nay do thắng lợi của vụ chiêm và vụ hạ thu vừa qua đã đạt được kết quả lớn về lương thực; mặt khác chính sách lương thực của Nhà nước có thay đổi, nhờ đó mà tình hình lương thực bước đầu đã đi vào ổn định. Cho nên chủ trương cho vay lương ăn sản xuất cũng phải thay đổi cho phù hợp với tình hình mới.

Tinh thần của loại cho vay này hiện nay là không tiến hành rộng rãi như trước. Nhưng để khuyến khích hợp tác xã khai hoang, chiếu cố đến một số nơi một số xã viên hiện nay có gặp khó khăn về lương thực (mặc dù được mùa chung nhưng ở những nơi đó sản xuất còn đang gặp nhiều khó khăn)

nên Ngân hàng quy định cho vay trong một số đối tượng và trong một số trường hợp như sau:

Về đối tượng cụ thể:

— Cho vay để ứng trước tiền mua phân tiền công làm cỏ bón phân, chăm sóc lúa và hoa màu.

— Ứng trước công lao động để cấy tái giá hoặc chuyển hướng trồng trọt để tăng thêm thu nhập.

— Ứng trước công lao động để khai hoang, tăng vụ, làm thủy lợi, đắp bờ khoanh vùng thả cá, khai hoang và sửa chữa đồng muối.

— Ứng trước tiền công chăm đất trâu bò đã công hữu hóa hoặc để ứng trước một phần tiền thuê trâu bò của những xã viên thiếu đói.

Những hợp tác xã muốn được vay về những đối tượng trên phải nằm trong những trường hợp sau:

1. Những hợp tác xã nằm trong diện cân đối lương thực không đảm bảo, được Nhà nước bán cho một phần số thóc công, thiếu thì Ngân hàng có thể cho hợp tác xã vay tiền mua thóc của lương thực để ứng trước công lao động cho xã viên, mà lúc đó xã viên và hợp tác xã không có tiền để mua.

2. Đối với những hợp tác xã đi khai hoang nhỏ theo hình thức một chốn đôi quê, không nằm trong diện thiếu lương thực được Nhà nước phân phối thêm thì Ngân hàng không cho vay, nếu hợp tác xã nằm trong diện thiếu lương thực thì cũng giải quyết theo trường hợp trên.

Đối với một số hợp tác xã tuy cân đối lương thực trong toàn hợp tác xã đã đảm bảo và cùng đi khai hoang theo hình thức một chốn đôi quê nhưng địa điểm khai hoang xa trên 15km, quy mô khai hoang tương đối lớn, đòi hỏi phải có thêm lương thực (được cấp trên phân phối thêm) mà lúc đó hợp tác xã không có tiền mua thì Ngân hàng có thể cho vay thêm để ứng trước công lao động cho xã viên.

3. Đối với những tổ chức khai hoang có tính chất đi dân định cư, đã có tổ chức rõ ràng, đã đi vào ổn định (không phải theo kiểu thay phiên nhau đi đi về về) mà thực tế có khó khăn về lương ăn sản xuất thì Ngân hàng có thể cho vay trong phạm vi 6 tháng và tối đa không quá 9 tháng; 3 tháng đầu, Ngân hàng cho vay tương đối nhiều (gần như toàn bộ số lương thực cần thiết) 3 tháng sau cho vay theo chênh lệch thu hoạch của sản xuất (chênh lệch giữa nhu cầu về lương thực cần thiết với khả năng thu nhập về lương thực (lúa và hoa màu) trong thời gian đó) và 3 tháng sau chỉ cho vay trong trường hợp đặc biệt. Ví dụ thu hoạch của vụ trước do bị thất bát, thực tế có khó khăn về lương thực; hoặc cơ sở mở rộng hơn, số lao động tăng thêm nên khả năng lương thực không đảm bảo, v.v...

Ngoài những trường hợp kể trên, Ngân hàng không cho vay trường hợp nào khác nữa.

Những nhu cầu thuộc về lương ăn sinh hoạt, Ngân hàng không cho vay, mà do hợp tác xã vay mượn dùng vốn tự có của mình để giải quyết trường hợp này tùy khả năng hợp tác xã vay mượn.